TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 21-3-2023
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Khiêm

Ông Nguyễn Đắc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLST-DS ngày 18/5/2020 về việc: *"Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm số 53/2023/QĐ-ST ngày 16/3/2023 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1/ Ông Võ Trí D, sinh năm: 1953; cư trú tại số 40B, đường C, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2/ Ông Võ Sĩ T, sinh năm: 1956; cư trú tại số 59/8 Bis, đường P, phường N, Quận 1, Thành phố H, có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và phần đầu của thủ tục hỏi, sau đó xin vắng mặt.

3/ Ông Võ T, sinh năm: 1960; cư trú tại ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng N, có mặt.

4/ Bà Võ Thị H, sinh năm: 1963; cư trú tại số 14, đường T, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh L, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1958; địa chỉ số 1/21, đường N, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh L. Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Thị H - Đoàn Luật sư tỉnh L, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Sĩ H, sinh năm: 1950; cư trú tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L (chết ngày 20/4/2021).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1/ Ông Võ Thanh Ph, sinh năm: 1974; cư trú tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L, có mặt.

2/ Bà Võ Thị Thanh V, sinh năm: 1975; cư trú tại số 07C, đường C, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh L, có mặt.

3/ Ông Võ Thanh S, sinh năm: 1977; cư trú tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Võ Thị L, sinh năm: 1945; địa chỉ: 840W Sunny Side #11^{E} Chicago IL 60640 USA (001 (847) 850.9105), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Thanh V, sinh năm: 1975; cư trú tại căn hộ A4.10C-C The Avila, 114, đường A, Phường 16, Quận 8, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 204, quyển số 13/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 03/02/2023), có mặt.

2/ Ông Võ Thanh Ph, sinh năm: 1974; cư trú tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L, có mặt.

3/ Bà Võ Thị Thanh V, sinh năm: 1975; cư trú tại căn hộ A4.10C-C The Avila, 114, đường A, Phường 16, Quận 8, Thành phố H, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Ph và bà V: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1998; cư trú tại thôn 22, xã E, huyện C, tỉnh Đ; địa chỉ liên lạc: số 164A, đường H, Phường 9, quận P, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5138, quyển số 12/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng T chứng thực ngày 21/11/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ph và bà V: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968; địa chỉ: 164A, đường H, Phường 9, quận P, Thành phố H. Luật sư của Văn phòng Luật sư H và Cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

4/ Bà Phạm Thị Uyên L, sinh năm: 1981, có mặt.

5/ Cháu Võ Mỹ A, sinh năm: 2015, vắng mặt.

6/ Cháu Võ Mỹ A, sinh năm: 2020, vắng mặt.

Cùng cư trú tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của cháu A, cháu A: Vợ chồng Ông Võ Thanh Ph, Bà Phạm Thị Uyên L (cha, mẹ của cháu Anh và cháu An).

7/ Ông Võ Thanh S, sinh năm: 1977, có mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976, có mặt.

9/ Cháu Võ Nguyễn Thanh H, sinh năm: 2008, vắng mặt.

Cùng cư trú tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Hà: vợ chồng Ông Võ Thanh S, Bà Nguyễn Thị H (cha, mẹ của cháu Hà).

10/ Bà Trần Thị Mai Tr, sinh năm: 1964, có mặt.

11/ Anh Võ Khương D, sinh năm: 1991, vắng mặt.

12/ Anh Võ Khương H, sinh năm: 1997, vắng mặt.

Cùng cư trú tại số 50A, đường Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Kh.

Người đại diện hợp pháp của anh D, anh H: Bà Trần Thị Mai Tr, sinh năm: 1964; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 560, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Hòa H - Phạm T chứng thực ngày 17/02/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện 23/7/2020, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án của Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H thì: Cha mẹ của các ông, bà là cụ Võ C, sinh năm 1917, chết năm 2003, cụ Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1922, chết năm 1997, có 08 con chung gồm Bà Võ Thị L; Ông Võ Sĩ H; Ông Võ Trí D; bà Võ Thị Ngọc A (sinh năm 1954, chết năm 1978, chết trước cụ C, cụ Nh), có con tên Võ Thanh H (sinh năm 1978, chết năm 1979), không có chồng; Ông Võ Sĩ T; Ông Võ T; ông Võ Th (sinh năm 1962, chết năm 1998), có vợ là Bà Trần Thị Mai Tr, có con là Võ Khương D, Võ Khương H; Bà Võ Thị H.

Quá trình chung sống cụ C, cụ Nh tạo lập được 01 khối tài sản chung là căn nhà và Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 4201061377 ngày 15/11/2004 mang tên cụ Võ C, cụ Nguyễn Thị Nh đối với lô đất có diện tích 299,88m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 11, diện tích đất còn lại 268m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cùng tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L. Cụ C, cụ Nh chết không để lại di chúc, toàn bộ diện tích nhà đất nói trên từ trước đến nay do ông H quản lý, sử dụng, năm 2021 ông H chết, hiện nay nhà, quyền sử dụng đất do ông Ph quản lý, sử dụng.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: phân chia di sản thừa kế do cụ C, cụ Nh để lại là căn nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 299,88m^2 (đo đạc thực tế là 554,6m^2), tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ C, cụ Nh theo quy định của pháp luật. Đối với căn nhà ở trên đất, ông S đang sử dụng có giá trị là 268.758.000đ thì không tranh chấp, chỉ tranh chấp phần diện tích đất. Đối với phần nhà và công trình khác hiện nay ông Ph đang sử dụng có giá trị 896.446.200đ, nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế vì nhà là do cụ C, cụ Nh xây dựng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất tạm giao, giá trị tài sản trên đất tạm giao và bờ taluy, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất có diện tích 299,88m^2 và 02 căn nhà trên diện tích đất vừa nêu; phần mỗi người được hưởng là 1/8 giá trị tài sản tương đương 1.313.144.500đ/01 kỷ phần.

- Theo lời trình bày của Ông Võ Thanh S thì: Ông là con của Ông Võ Sĩ H, ông thống nhất về hàng, diện thừa kế, di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất mà đồng nguyên đơn tranh chấp, ông đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với diện tích đất hiện nay ông đang quản lý, sử dụng được nhà nước tạm giao diện tích 204,68m^2, diện tích đất này không nằm trong di sản thừa kế, vì tại phần ghi chú của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201061377 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp ngày 15/11/2004 cho cụ Võ C, cụ Nguyễn Thị Nh (chết) thể hiện *"phần diện tích đất tạm giao sử dụng 204,68m^2, khi thu hồi đất nhà nước không bồi thường thiệt hại về đất, không bồi thường công trình kiến trúc trên đất, chỉ bồi thường hoa màu trên đất (nếu có) theo quy định của pháp luật"*. Do đó, ông có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Phân chia di sản thừa kế của Ông Võ Sĩ H trong khối di sản mà ông H được nhận của cụ C, cụ Nh đối với 02 kỷ phần (trong đó 01 kỷ phần thừa kế ông H được nhận và 01 kỷ phần là công sức tôn tạo đất). Ông yêu cầu được nhận 1/3 giá trị của 02 kỷ phần, tương đương giá trị là 875.429.667đ.

- Theo lời trình bày của Chị Nguyễn Thị Thùy D, người đại diện theo ủy quyền của Ông Võ Thanh Ph và Bà Võ Thị Thanh V, thì: Ông Võ Sĩ H là con của cụ Võ C và cụ Nguyễn Thị Nh, ông H sinh ra và lớn lên cùng gia đình tại căn nhà trên phần diện tích đất 299,88m^2 thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L. Quá trình chung sống cụ C, cụ Nh đau ốm thì chỉ có gia đình ông H chăm sóc, sau khi cụ C, cụ Nh qua đời thì ông H là người trực tiếp quản lý nhà và quyền sử dụng đất để thờ cúng ông, bà. Quá trình sử dụng thì gia đình ông H đã tôn tạo, sửa chữa căn nhà, đến năm 2010 thì có xây dựng thêm 01 căn nhà nối

liền căn nhà do Bà Võ Thị L xây dựng vào năm 1998 cũng như đổ đất, xây bờ taluy cao khoảng 04m để tránh sạt lở cho phần phía sau thửa đất với tổng chi phí khoảng 300.000.000đ, đồng thời ông H thực hiện nghĩa vụ đóng thuế, phí liên quan đến nhà đất theo quy định. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ C, cụ Nh để lại thì ông Ph, bà Vân đồng ý, tuy nhiên trừ lại giá trị căn nhà và phần taluy mà gia đình ông H bỏ tiền ra xây dựng, đề nghị công nhận căn nhà trên thuộc quyền sử dụng của ông H. Buộc Ông D, ông T, ông T, bà H thanh toán cho bà Vân, ông Ph, ông S *(là những người thừa kế của ông H)* giá trị căn nhà, bờ taluy nêu trên nếu chia thừa kế. Đồng thời, đề nghị Tòa án phân chia di sản của ông Cử, bà Nhàn cho ông H theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, vì gia đình ông H là người trực tiếp trông nom, tôn tạo phần di sản này từ năm 2003 cho đến nay nên đề nghị Tòa án phân chia cho gia đình ông H được hưởng một phần giá trị của di sản tương ứng với công sức quản lý của gia đình ông H. Ông Ph, bà Vân có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Công nhận ông H là người có công sức đóng góp trong việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế do cụ ông Võ C, cụ bà Nguyễn Thị Nh để lại.

+ Yêu cầu chia di sản thừa kế thành 08 phần, trong đó ông H (ông Ph, chị Vân, ông S) được hưởng 02 kỷ phần (01 kỷ phần do có công sức trong việc quản lý, tôn tạo di sản; 01 kỷ phần được hưởng thừa kế theo pháp luật).

Ông Ph, bà Vân đồng ý với giá trị thẩm định giá đối với diện tích 299,88m^2 và giá trị tài sản trên đất tranh chấp là 10.505.156.000đ/8 kỷ phần = 1.313.144.500đ/01 kỷ phần. Ông Ph yêu cầu được nhận 1/3 giá trị của 02 kỷ phần, tương đương giá trị là 875.429.667đ; Bà Võ Thị Thanh V yêu cầu được nhận 1/3 giá trị của 02 kỷ phần, tương đương giá trị là 875.429.667đ. Ngoài yêu cầu phản tố trên thì ông Ph, bà Vân không còn yêu cầu nào khác, các yêu cầu trước đây xin rút toàn bộ.

- Theo lời trình bày của Bà Võ Thị Thanh V, người đại diện theo ủy quyền trình của Bà Võ Thị L, thì: Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 11, diện tích 299,88m^2 tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4085Q22, do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp ngày 15/11/2004 có nguồn gốc là của cha mẹ bà L (cụ Nguyễn Thị Nh, chết năm 1997, cụ Võ C, chết năm 2003). Năm 1998 bà L về thăm gia đình, thương cảnh cha mẹ sống trong căn nhà gỗ cũ nên bà L đã thuê ông Trần Văn Dũng xây dựng căn nhà cấp 3, diện tích 210m^2 trên thửa đất nêu trên cho cha, mẹ ở và xây dựng hàng rào bao quanh thửa đất. Tổng chi phí xây dựng khoảng 400.000.000đ. Sau khi cụ C, cụ Nh qua đời thì Ông Võ Sĩ H là người đứng ra trông nom, quản lý nhà, quyền sử dụng đất này. Nay Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế do cụ C, cụ Nh để lại thì bà L đồng ý, đồng thời bà L có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận căn

nhà cấp 3 có diện tích 210m^2 gắn liền với phần đất tranh chấp là tài sản riêng do bà L tạo lập. Đồng thời, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được nhận toàn bộ giá trị căn nhà cấp 3 nêu trên, giá trị căn nhà tạm tính là 579.600.000đ và yêu cầu được nhận phần giá trị phần di sản được hưởng thừa kế là 2.443.875.000đ, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 3.023.475.000đ.

Bà L đồng ý tổng giá trị tài sản theo báo cáo kết quả thẩm định giá số 1381/1/BC-ĐNI ngày 09/5/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai về giá trị diện tích đất 299,88m^2 và giá trị tài sản trên đất là 10.505.156.000đ/8 kỷ phần = 1.313.144.500đ/01 kỷ phần; đồng ý với yêu cầu phản tố của Ông Võ Thanh Ph và Bà Võ Thị Thanh V yêu cầu Tòa án chia di sản thành 08 phần, trong đó gia đình ông H (Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S) được hưởng 02 kỷ phần (01 kỷ phần do có công trong việc quản lý, tôn tạo di sản, 01 kỷ phần được hưởng thừa kế theo pháp luật).

Quá trình giải quyết vụ án, bà L thay đổi nội dung yêu cầu độc lập, bà L không tranh chấp đối với diện tích đất tạm giao, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với diện tích 299,88m^2, không tranh chấp giá trị tài sản trên đất. Đề nghị đưa giá trị tài sản trên đất nhập vào khối di sản thừa kế để phân chia theo quy định. Bà Võ Thị L xin được hưởng giá trị 01 kỷ phần (tương đương 1/8 di sản thừa kế) là 1.313.144.500đ. Trường hợp được Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L, bà L tự nguyện tặng cho toàn bộ giá trị tài sản được nhận cho Bà Võ Thị Thanh V.

- Theo lời trình bày của Bà Trần Thị Mai Tr thì: Bà là vợ của ông Võ Th, bà và ông Thiên có 02 con chung là Anh Võ Khương H và Anh Võ Khương D. Do ông Thiên đã chết nên bà yêu cầu phân chia di sản thừa kế trong khối tài sản của cụ C, cụ Nh để lại mà lẽ ra ông Thiên khi còn sống được hưởng. Yêu cầu được nhận 1/8 kỷ phần thừa kế trong khối tài sản tranh chấp, bà đồng ý giá trị diện tích đất tranh chấp 299,88m^2 và giá trị tài sản trên đất, tổng cộng là 10.505.156.000đ/8 kỷ phần = 1.313.144.500đ/01 kỷ phần. Bà Trang và anh D, anh H xin nhận 01 kỷ phần là 1.313.144.500đ. Phần di sản thừa kế của ông Thiên thì bà Trang, anh D, anh H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời trình bày của Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H thì: Các anh là con của ông Võ Th, bà Trang. Hiện nay ông Thiên đã chết, các anh đồng ý để bà Trang đại diện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ C, cụ Nh để lại mà lẽ ra khi còn sống ông Võ Th được hưởng đối với căn nhà và quyền sử dụng đất 299,88m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L.

- Ủy ban nhân dân thành phố Đ có Văn bản trình bày: Diện tích đất tạm giao 204,68m^2 thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số

4201061377 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp ngày 15/11/2004 cho cụ Võ C, cụ Nguyễn Thị Nh (chết) thì theo bản đồ quy hoạch chung thành phố Đ, tỉnh L và các vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ thì vị trí thửa đất số 78, tờ bản đồ số 11, Phường 6, thành phố Đ thuộc quy hoạch đất ở. Căn cứ bản đồ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Đ, tỉnh L được phê duyệt tại Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L thì vị trí thửa đất số 78, tờ bản đồ số 11, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L thuộc quy hoạch đất ở.

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4201061377 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp ngày 15/11/2004 cho cụ Võ C, cụ Nguyễn Thị Nh (chết) thể hiện: Phần diện tích đất tạm giao sử dụng 204,68m^2 "khi nhà nước thu hồi đất, nhà nước không bồi thường thiệt hại về đất, không bồi thường công trình kiến trúc trên đất, chỉ bồi thường hoa màu trên đất nếu có theo quy định của pháp luật". Phần diện tích này nhà nước tạm giao cho sử dụng, chưa công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ C, bà Nguyễn Thị Nh (chết) hay đối tượng khác. Ông D, ông T, ông T, bà H yêu cầu chia tài sản thừa kế với phần diện tích đất nêu trên thì: Phần diện tích đất tạm giao sử dụng 204,68m^2, phần diện tích đất này nhà nước tạm giao sử dụng, chưa công nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ C, bà Nguyễn Thị Nh (chết) hay đối tượng khác, do đó việc ông D, ông T, ông T, ông H yêu cầu chia tài sản thừa kế đối với phần diện tích đất nêu trên chưa có cơ sở xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: thống nhất giao toàn bộ diện tích đất 299,88m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L và tài sản trên đất cho Ông Võ Thanh Ph quản lý sử dụng, ông Ph có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác giá trị di sản thừa kế mà mỗi người được nhận như thỏa thuận. Sau khi tính toán lại thì phần cụ C được hưởng của ông Th, các đương sự thỏa thuận giao phần cụ Cử được hưởng cho ông Ph quản lý, sử dụng.

Do vậy, ông Ph có trách nhiệm thanh toán cho Bà Võ Thị L, Ông Võ Trí D, ông Võ Sĩ Tuân, Ông Võ T, Bà Võ Thị H mỗi người 1.313.144.500đ; thanh toán cho Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S mỗi người 875.429.667đ; thanh toán cho Bà Trần Thị Mai Tr 164.143.000đ. Do anh D, anh H không yêu cầu chia di sản thừa kế nên ông Ph có trách nhiệm giao cho bà Trang quản lý phần giá trị mà Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H được nhận là 984.858.000đ (mỗi người được nhận

là 492.429.000đ), nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Số tiền 1.313.144.500đ mà bà L được nhận thì sẽ tặng cho bà Vân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H, chấp nhận yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm Ông Võ Thanh Ph, Ông Võ Thanh S, Bà Võ Thị Thanh V; chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị L, Bà Trần Thị Mai Tr về việc yêu cầu chia thừa kế. Đình chỉ giải quyết với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Ph, bà Vân về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất tạm giao chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 268m^2; yêu cầu phản tố của ông Ph, bà Vân về việc yêu cầu thanh toán giá trị căn nhà và bờ ta luy do ông H xây dựng trên diện tích đất 299,88m^2; yêu cầu phản tố của ông Ph về yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với căn nhà trọ diện tích 45m^2 trên phần đất tạm giao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế mà cha, mẹ của các ông, bà là cụ ông Võ C, cụ bà Nguyễn Thị Nh để lại là căn nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 299,88m^2 (trong đó có 8,5m^2 nằm trong chỉ giới hẻm, diện tích đất còn lại là 291,38m^2) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L. Quá trình giải quyết vụ án ông Ph, bà Vân, ông S, bà L, bà Trang đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H; bà Trang có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu được hưởng di sản thừa kế mà lẽ ra khi còn sống ông Võ Th được hưởng; đồng thời bà L có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ C, cụ Nh để lại nói trên theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án; ngày 20/4/2021 Ông Võ Sĩ H chết nên cần xác đinh những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S, các đương sự này đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án nói trên theo quy định của pháp luật và có đơn yêu cầu được hưởng di sản thừa kế mà lẽ ra khi còn sống cha của các ông, bà là ông H được hưởng.

Do vậy có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, yêu cầu xác định quyền sở hữu*

tài sản" theo quy định tại các khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; do hiện nay Bà Võ Thị L đang cư trú tại Hoa Kỳ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hàng thừa kế:

Cụ ông cụ Võ C, sinh năm 1917, chết năm 2003, cụ bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1922, chết năm 1997, có 08 con chung gồm Bà Võ Thị L; Ông Võ Sĩ H, chết ngày 20/4/2021, có vợ là bà Nguyễn Thị Chỉ, chết trước ông H, có con là Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S; Ông Võ Trí D; bà Võ Thị Ngọc A (sinh năm 1954, chết năm 1978, chết trước cụ C, cụ Nh), có con tên Võ Thanh H (sinh năm 1978, chết năm 1979), không có chồng; Ông Võ Sĩ T; Ông Võ T; ông Võ Th (sinh năm 1962, chết năm 1998), có vợ là Bà Trần Thị Mai Tr, có con là Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H; Bà Võ Thị H. Ngoài ra cụ ông Võ C, cụ bà Nguyễn Thị Nh không có người vợ, người chồng, không có con riêng, con nuôi, nào khác; cha mẹ ruột của hai cụ đã chết từ trước. Bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất với lời trình bày của Ông D, ông T, ông T, bà H về mối quan hệ huyết thống và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Võ Sĩ H, ông Võ Th; bà Võ Thị Ngọc A; thời điểm chết của những người này, không có tranh chấp về diện, hàng thừa kế. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì: cụ ông Võ C, Bà Võ Thị L, Ông Võ Sĩ H, Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, ông Võ Th, Bà Võ Thị H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Nguyễn Thị Nh.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì: Bà Võ Thị L, Ông Võ Sĩ H, Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Võ C.

- Căn cứ Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H là người thừa kế thế vị của cụ ông Võ C.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Th gồm: Bà Trần Thị Mai Tr, Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Võ Sĩ H gồm: Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S.

[2.2] Xét về di sản thừa kế:

[2.2.1] Ngày 15/11/2004 Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201061377 ngày 15/11/2004 cho *"ông bà Võ Cử, Nguyễn Thị Nhàn (chết)"* đối với lô đất có nhà ở diện tích 129,36m^2, tổng diện tích sử dụng chính là 165,45m^2, diện tích là 299,88m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nói trên thể hiện nội dung *"Phần diện tích đất tạm giao sử dụng 204,68m^2, khi thu hồi đất, nhà nước không bồi thường thiệt hại về đất, không bồi thường công trình kiến trúc trên đất, chỉ bồi thường hoa màu trên đất (nếu có) theo quy định của pháp luật"*. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận diện tích đất nói có nguồn gốc là của cụ Võ C, cụ Nguyễn Thị Nh để lại và chưa chia di sản thừa kế, không tranh chấp phần đất tạm giao nói trên.

[2.2.2] Theo hồ sơ thể hiện cũng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh L thực hiện ngày 23/3/2022 thì trên diện tích đất tranh chấp có 02 căn nhà cấp 04, xung quanh là đất trống, về hiện trạng nhà và Quyền sử dụng đất các đương sự trình bày vẫn giữ nguyên hiện trạng từ trước đến nay, không thay đổi gì; theo kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh L thực hiện ngày 24/3/2022 thì tổng diện tích đo đạc thực tế là 554,6m^2 (trong đó có 168,3m^2 đất thuộc đất tạm giao hiện nay Ông Võ Thanh S đang quản lý, sử dụng, diện tích đất còn lại là 386,3m^2, trong đó có 299,88m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, phần diện tích đất còn lại là 86,42m^2 đất phía sau không tranh chấp). Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất kết quả đo vẽ nói trên, đồng thời, thống nhất giá trị thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thực hiện ngày 09/5/2022. Do đó Tòa án căn cứ vào kết quả đo vẽ và giá trị tài sản mà các đương sự đã thống nhất để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.2.3] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận như sau:

- Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H; Chị Nguyễn Thị Thùy D, người đại diện theo ủy quyền của Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V; Bà Võ Thị Thanh V, người đại diện theo ủy quyền của Bà Võ Thị L; Ông Võ Thanh S, Bà Trần Thị Mai Tr đồng ý chia di sản thừa kế đối với phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên cụ Cử và cụ Nhàn có diện tích 299,88m^2, trên đất có 02 căn nhà cấp 04 có diện tích 190,5m^2, thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L theo Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh L thực hiện ngày 24/3/2022; đồng ý với giá trị di sản thừa kế của cụ C, cụ Nh

để lại theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thực hiện là 10.505.156.000đ; chia làm 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 1.313.144.500đ.

- Các đương sự đồng ý với yêu cầu của Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S về việc phân chia di sản thừa kế của Ông Võ Sĩ H trong khối di sản được nhận của cụ C, cụ Nh mà lẽ ra ông H được hưởng khi còn sống đối với 02 kỷ phần (trong đó 01 kỷ phần thừa kế ông H được nhận và 01 kỷ phần là công sức tôn tạo tài sản), mỗi người được nhận 1/3 giá trị của 02 kỷ phần, tương đương giá trị là 875.429.666đ.

- Đối với kỷ phần thừa kế mà ông Võ Th lẽ ra được hưởng khi còn sống thì thống nhất bà Trang được hưởng một phần; phần của anh Duy và anh Huy được hưởng thì giao cho bà Trang quản lý.

- Các đương sự thống nhất giao toàn bộ lô đất có diện tích 299,88m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L và tài sản trên đất cho Ông Võ Thanh Ph quản lý, sở hữu, sử dụng; ông Ph có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác tương ứng với giá trị di sản thừa kế mà mỗi người được nhận như thỏa thuận.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Tuy nhiên do Ông Võ Sĩ T, có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và phần đầu của thủ tục hỏi, sau đó xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự được mà phải tuyên bằng Bản án để ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2.4] Đối với kỷ phần cụ C được hưởng của ông Th khi còn sống, các đương sự thỏa thuận cho ông Ph quản lý, sử dụng. Do vậy, ông Ph có trách nhiệm thanh toán cho Bà Võ Thị L, Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H mỗi người là 1.313.144.500đ; Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S mỗi người là 875.429.666đ; bà Võ Thị Mai Trang là 164.143.000đ, Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H được nhận là 984.858.000đ (mỗi người được nhận là 492.429.000đ). Do anh D, anh H không yêu cầu chia di sản thừa kế nên buộc ông Ph giao cho bà Trang quản lý phần giá trị được nhận, nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Phần giá trị của bà L được nhận thì bà L đồng ý cho bà Vân nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà L.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất tạm giao và bờ ta luy, Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V xin rút một phần yêu cầu độc lập đối với phần giá trị xây nhà trọ, làm lăng mộ,... nên cần đình chỉ giải quyết việc giải quyết vụ án đối với các yêu cầu này là phù hợp.

[4] Phần diện tích đất tạm giao và tài sản trên đất các bên không tranh chấp nên hiện nay ai đang quản lý thì tạm thời được sử dụng, khi nhà nước có chủ trương thu hồi thì phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

[5] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H; chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông Võ Thanh S, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh Ph; chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị L, Bà Trần Thị Mai Tr để tuyên xử theo hướng đã nhận định.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá hết 103.402.220đ. Chi phí ủy thác tư pháp là 3.460.000đ, tổng chi phí tố tụng là 106.862.220đ. Quá trình giải quyết vụ án; Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H đã nộp tạm ứng chi phí 103.402.220đ; bà Vân đã nộp số tiền 3.460.000đ nói trên và được Tòa án quyết toán xong. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên những người được hưởng di sản thừa kế mỗi người phải chịu 1/9 chi phí nói trên với số tiền 11.873.580đ là phù hợp.

Như vậy, bà L, bà Trang, ông Ph, ông S mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H số tiền 11.873.580đ. Bà Vân có trách nhiệm thanh toán cho Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H số tiền 8.413.580đ.

[7] Về án phí:

Lẽ ra Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận. Tuy nhiên Ông Võ Trí D, sinh năm: 1953; Ông Võ Sĩ T, sinh năm: 1956; Ông Võ T, sinh năm: 1960; tính đến nay đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi đồng thời có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T.

Bà Võ Thị H có đơn xin miễn án phí Dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuy nhiên trong vụ án này bà Huệ được nhận một số tiền lớn nên cần phải buộc bà Huệ phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận là phù hợp.

Mặc dù Bà Võ Thị L tặng cho lại kỷ phần di sản thừa kế cho bà Vân; tuy nhiên bà L là người nhận di sản thừa kế của cha, mẹ là cụ ông Võ C, cụ bà Nguyễn Thị Nh để lại nên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần thừa kế được

nhận; do bà L là người Việt Nam định cư ở nước ngoài; mang quốc tịch Hoa Kỳ nên không được miễn án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy Bà Võ Thị L và Bà Võ Thị H mỗi người phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận là 51.394.335đ (36.000.000đ +3% x 513.144.500đ).

Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S mỗi người phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận là 28.175.260đ {(626.289.000đ x 2% + 72.000.000đ = 84.252.780đ)/3}.

Bà Trần Thị Mai Tr phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận là 8.207.150đ (164.143.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3, 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 153, 154, 157, 158 165, 166, 244, 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679, Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 100, 106 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26, các điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận việc rút yêu cầu yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế" đối với Ông Võ Sĩ H; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S đối với phần đất tạm giao, bờ taluy. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu này.

+ Chấp nhận việc rút yêu cầu yêu cầu độc lập của Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tranh chấp di sản thừa kế" về chi phí xây lăng mộ, xây taluy, nhà trọ, làm nhà. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu này.

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án của đương sự được thực

hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế" đối với Ông Võ Sĩ H; Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S.

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị L, Bà Trần Thị Mai Tr, Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế:

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Nguyễn Thị Nh là: cụ ông Võ C, Bà Võ Thị L, Ông Võ Sĩ H, Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, ông Võ Th, Bà Võ Thị H.

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Võ C là: Bà Võ Thị L, Ông Võ Sĩ H, Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H.

1.3. Xác định Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H là những người thừa kế thế vị của cụ ông Võ C.

1.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Th là: Bà Trần Thị Mai Tr, Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H.

1.5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của Ông Võ Sĩ H là: Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S.

2. Xác định lô đất có diện tích 299,88m^2 (trong đó có 8,5m^2 nằm trong chỉ giới hẻm, diện tích đất còn lại là 291,38m^2) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 4201061377 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp ngày 15/11/2004 cho cụ Võ C, cụ Nguyễn Thị Nh (chết) và 02 căn nhà trên đất là di sản thừa kế của cụ ông Võ C, cụ bà Nguyễn Thị Nh để lại, diện tích đất có giá trị là 9.806.076.000đ; 02 căn nhà có giá trị là 699.080.000đ, tổng giá trị di sản thừa kế là 10.505.156.000đ.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể:

3.1. Giá trị một kỷ phần được nhận là 1.313.144.500đ (một tỷ ba trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng);

3.2. Ông Võ Sĩ H được nhận là 02 kỷ phần (01 kỷ phần do có công sức trong việc quản lý, tôn tạo di sản; 01 kỷ phần được hưởng thừa kế theo pháp luật) là 1.313.144.500đ x 2 = 2.626.289.000đ (hai tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu hai trăm

tám mươi chín nghìn đồng); ông Ph, bà Vân, ông S mỗi người được nhận 1/3 của 02 kỷ phần nói trên là 875.429.666đ (tám trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng);

3.3. Ông Nguyễn Thanh Ph được quyền sở hữu, sử dụng hai căn nhà có tổng diện tích là 195,5m^2 {ký hiệu g2 (105m^2); g3 (85,5m^2) trong họa đồ} tọa lạc trên lô đất có diện tích 299,88m^2 (trong đó có 8,5m^2 thuộc chỉ giới hẻm), thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại số 03/13, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 4201061377 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L cấp ngày 15/11/2004 mang tên cụ Võ C, cụ Nguyễn Thị Nh (chết).

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh L thực hiện ngày 24/3/2022 kèm theo);

3.4. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Võ Thị L về việc cho Bà Võ Thị Thanh V giá trị của kỷ phần được hưởng là 1.313.144.500đ (một tỷ ba trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng);

3.5. Ông Võ Thanh Ph có trách nhiệm thanh toán Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H mỗi người là 1.313.144.500đ (một tỷ ba trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng); thanh toán cho Bà Võ Thị Thanh V số tiền 2.188.574.166đ (hai tỷ một trăm tám mươi tám triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng), thanh toán cho Ông Võ Thanh S số tiền 875.429.666đ (tám trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); thanh toán cho Bà Trần Thị Mai Tr số tiền 164.143.000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng);

3.6. Ông Võ Thanh Ph có trách nhiệm giao cho Bà Trần Thị Mai Tr số tiền 984.858.000đ (chín trăm tám mươi bốn triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) là kỷ phần thừa kế mà Anh Võ Khương D, Anh Võ Khương H được nhận (mỗi người được nhận là 492.429.000đ, bốn trăm chín mươi hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng); bà Trang có trách nhiệm quản lý số tiền nói trên; trong trường hợp anh D, anh H có tranh chấp với bà Trang thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật;

3.7. Giao cho ông Ph quản lý, sử dụng số tiền 164.143.000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) là kỷ phần thừa kế của cụ Võ C được nhận của ông Võ Th.

4. Ông Võ Thanh Ph được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị L, Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H, Ông Võ Thanh Ph, Bà Võ Thị Thanh V, Ông Võ Thanh S, Bà Trần Thị Mai Tr mỗi người phải chịu 11.873.580đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá tài sản và chi phí ủy thác tư pháp.

Bà L, bà Trang, ông Ph, ông S mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H số tiền 11.873.580đ (mười một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi đồng).

Bà Vân có trách nhiệm thanh toán cho Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T, Bà Võ Thị H số tiền 8.413.580đ (tám triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm tám mươi đồng).

6. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Ông Võ Trí D, Ông Võ Sĩ T, Ông Võ T.

- Bà Võ Thị H phải chịu 51.394.335đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 7.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005403 ngày 16/12/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh L. Bà Huệ còn phải nộp 43.894.335đ.

- Bà Võ Thị L phải chịu 51.394.335đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 25.697.168đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013111 ngày 17/02/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh L (ông Trần Tầm nộp thay). Bà L còn phải nộp 25.697.167đ.

- Bà Trần Thị Mai Tr phải chịu 8.207.150đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 25.697.168đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013108 ngày 13/02/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh L. Bà Trang được nhận lại số tiền 17.490.018đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

- Ông Võ Thanh Ph phải chịu 28.175.260đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010064 ngày 29/6/2022 (do ông Huỳnh Văn Thịnh nộp thay) và số tiền 19.131.445đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013113 ngày 17/02/2023 (do ông Trần Tầm nộp thay); tất cả đều của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh L; ông Ph còn phải nộp 4.043.815đ.

- Bà Võ Thị Thanh V phải chịu 28.175.260đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 19.131.445đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013112 ngày 17/02/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh L (do ông Trần Tầm nộp thay); bà Vân còn phải nộp 9.043.805đ.

Số tiền ông Ph còn phải nộp là 4.043.815đ, số tiền bà Vân còn phải nộp là 9.043.805đ được trừ vào số tiền 49.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010065 ngày 29/6/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh L (do ông Huỳnh Văn Thịnh nộp thay); ông Ph và bà V được nhận lại 35.912.380đ.

- Ông Võ Thanh S phải chịu 28.175.260đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 19.131.445đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013110 ngày 14/02/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh L; ông S còn phải nộp 9.043.805đ.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND tỉnh L (01);
- Phòng KTNV &THA (01);
- Cục THADS tỉnh L (01);
- Đương sự (16);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Châu Thạch